

THIẾT KẾ MỘT SỐ BÀI TẬP HỖ TRỢ DẠY HỌC PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH LỚP 9

Phạm Thị Thu Hiền, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Thị Hạnh - Trường Phổ thông Liên cấp Newton

Ngày nhận bài: 11/6/2019; ngày chỉnh sửa: 27/6/2019; ngày duyệt đăng: 09/7/2019.

Abstract: Currently, competency development teaching is becoming a trend in the world, in which learners' reading comprehension becomes the core competency in the general education curriculum. Based on the reading comprehension concept of PISA, in the article, we propose some exercises to support students grade 9 to read informational texts in the direction of assessing competency.

Keywords: Evaluate, informational text, reading comprehension competence, exercise.

1. Mở đầu

Trong công cuộc đổi mới giáo dục, Việt Nam đã và đang có những chuyển biến trong công tác chỉ đạo về kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) theo định hướng phát triển năng lực người học. Theo đó, dạy học (DH) đọc hiểu văn bản theo định hướng phát triển năng lực học sinh (HS) ngày càng được coi trọng. Bên cạnh việc đầu tư cho DH đọc hiểu văn bản văn học để phát triển năng lực văn học cho HS, việc DH Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay đang chú trọng vào DH đọc hiểu văn bản nhật dụng để phát triển năng lực giao tiếp cho người học. Đọc hiểu văn bản nhật dụng là một nội dung quan trọng trong KT, ĐG HS, trong đó có HS lớp 9. Để đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng cho HS cần có một bộ công cụ được thiết kế một cách bài bản, khoa học, có độ tin cậy cao. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải giáo viên (GV) nào cũng xây dựng được bộ công cụ này để đánh giá năng lực HS. Điều này khiến cho việc đánh giá năng lực đọc hiểu của HS nói chung, năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng nói riêng, đôi lúc còn cảm tính, chưa có sức thuyết phục, chưa phát huy được vai trò của đánh giá đối với quá trình DH.

Để giúp GV phổ thông có được bộ công cụ đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản cho HS lớp 9, từ đó giúp HS có thể đáp ứng tốt yêu cầu KT, ĐG thường kì, đặc biệt là yêu cầu của một số kì thi lớn như thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, kì đánh giá HS quốc tế (PISA),... chúng tôi đề xuất xây dựng bộ công cụ, trong đó tập trung vào thiết kế bộ bài tập đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng cho HS lớp 9. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng của KT, ĐG đọc hiểu văn bản nhật dụng nói riêng và môn Ngữ văn nói chung.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề cơ bản nhất về mặt lí luận

2.1.1. Văn bản nhật dụng

Văn bản nhật dụng là những văn bản có nội dung gần gũi, đề cập những vấn đề bức thiết với cuộc sống con

người và cộng đồng xã hội hiện đại như: *thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, ý thức trách nhiệm công dân...* Xét về mặt hình thức, văn bản nhật dụng có thể được thể hiện bằng hầu hết các thể loại văn học cũng như các kiểu văn bản [1; tr 94].

Các văn bản nhật dụng trong chương trình Ngữ văn 9 chưa đưa ra được nhiều dẫn chứng mô tả bối cảnh có tính cấp thiết của văn bản, chú thích liên quan đến sự kiện về văn đề được đặt ra trong văn bản. Để làm sáng rõ hơn về đặc điểm văn bản nhật dụng, chúng tôi đề xuất một số tiêu chí về loại văn bản này, nhằm phục vụ quá trình tìm kiếm ngữ liệu trong bộ công cụ KT, ĐG như sau: Các vấn đề thời sự, có tính cấp thiết, cập nhật; Nội dung phải liên hệ với thực tiễn cuộc sống, trải nghiệm cuộc sống cá nhân; Đề cập đến bối cảnh, hoàn cảnh gắn liền với văn bản; Văn bản có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, cụ thể (tránh trích dẫn nguồn Internet); Độ dài, độ khó tương đương các văn bản ngữ liệu sách giáo khoa; Phù hợp với tâm lí lứa tuổi, khả năng đọc của HS.

2.1.2. Chuẩn đọc hiểu văn bản nhật dụng của học sinh lớp 9

Văn bản nhật dụng được viết theo 2 phương thức chính: thuyết minh và nghị luận.

Đối với văn bản thuộc phương thức thuyết minh, HS cần: - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản, giải thích ý nghĩa nhan đề trong việc thể hiện thông tin trong văn bản; - Nhận biết, phân tích được đặc điểm văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; - Nhận biết, phân tích tác dụng của cách trình bày, thể hiện thông tin trong văn bản; - Xác định được các phương pháp thuyết minh để tiếp cận các nội dung; - Nhận biết, phân tích quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong văn bản; - Đọc mở rộng các văn bản có dung lượng khoảng 300 chữ.

Đối với văn bản thuộc phương thức nghị luận, HS cần: - Nhận biết, phân tích được các luận đề, luận điểm,

lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; - Phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm trong văn bản, tính chất đúng sai của văn bản; cách trình bày vấn đề khách quan và chủ quan của tác giả; - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội; Liên hệ, vận dụng được những điều đã học từ văn bản để giải quyết một vấn đề.

2.1.3. Năng lực và kiểm tra, đánh giá: Năng lực được xây dựng dựa trên cơ sở tri thức, thiết lập qua các giá trị như là các khả năng, hình thành qua trải nghiệm, củng cố qua kinh nghiệm, hiện thực hóa qua ý chí. Xavier Roegiers (2004) quan niệm năng lực là “*sự tích hợp các kỹ năng tác động một cách tự nhiên lên các nội dung trong những tình huống cho trước để giải quyết các vấn đề do tình huống này đặt ra.*” [2; tr 124]. Đánh giá năng lực hướng tới việc đánh giá sự tiến bộ của người học so với chính bản thân họ trong những giai đoạn khác nhau hơn là đánh giá để so sánh, xếp hạng giữa những người học với nhau. Do đó, trong bộ công cụ đề xuất, chúng tôi đưa ra công cụ đánh giá sự tiến bộ của người học.

Theo các tác giả Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường, giáo dục theo định hướng năng lực được đề cập nhiều từ những năm 90 của thế kỉ trước và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Trong chu trình giáo dục đó, vấn đề đánh giá dựa trên năng lực được chú trọng bởi *quan hệ mật thiết giữa KT, ĐG và mục tiêu DH* [3; tr 21]; Đánh giá dựa trên năng lực (còn gọi là đánh giá năng lực) là quá trình, trong đó, người đánh giá tương tác với người học để thu thập các minh chứng về năng lực, sử dụng các chuẩn đánh giá đã có để đưa ra kết luận về mức độ đạt hay không đạt về năng lực nào đó của người học [3; tr 26].

2.1.4. Kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn

Đối với môn Ngữ văn, KT, ĐG có vai trò quan trọng trong việc cải tiến chất lượng thông qua nhiều hình thức khác nhau. Hiện nay, KT, ĐG các môn học khác có xu hướng sử dụng phương pháp kiểm tra trắc nghiệm. Tuy nhiên, đối với đặc thù môn Ngữ văn, khi biên soạn đề thi, các nhà giáo dục đưa ra những hình thức thi tự luận, chủ yếu đánh giá hướng đến kĩ năng làm văn hơn kĩ năng đọc hiểu. Do đó, kĩ năng đọc hiểu văn bản nhật dụng tập trung đánh giá khả năng đọc, nhận diện vấn đề, lí giải và trình bày được những ý kiến cá nhân, quan điểm rõ ràng. Để xây dựng được công cụ KT, ĐG phù hợp trong môn Ngữ văn, chúng ta cần xây dựng, xác định đúng mục tiêu đọc hiểu, thực hiện phương pháp DH đọc hiểu đúng nghĩa của nó. Phạm vi văn bản đọc hiểu được nói rộng hơn, không chỉ văn bản văn học thuần túy, cần đến các văn bản nhật dụng, thông báo, bài luận khoa học...

2.1.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá văn bản nhật dụng trong môn Ngữ văn lớp 9

Hiện nay, KT, ĐG văn bản nhật dụng trong môn Ngữ văn lớp 9 chưa được chú trọng. Hơn nữa, hoạt động này tập trung vào yêu cầu HS ghi nhớ các thông tin về văn bản. Ngữ liệu chỉ là các văn bản có trong sách giáo khoa. Theo đó, việc KT, ĐG chưa góp phần phát triển được năng lực của HS. Các văn bản được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 9 thuộc phương thức biểu đạt nghị luận và thuyết minh. Bốn vấn đề được đề cập đến gồm: *vấn đề nhân quyền; bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh; sự hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.* Số lượng văn bản nhật dụng trong chương trình lớp 9 chiếm 42,85% (6/14) trong chương trình Ngữ văn trung học cơ sở. Qua quá trình quan sát và điều tra phỏng vấn các trường Trung học cơ sở quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, chúng tôi nhận thấy, các GV thường sử dụng phương pháp KT, ĐG đáp ứng mục tiêu: khả năng ghi nhớ kiến thức của HS trong các văn bản nhật dụng đã học. Trong các đề thi tuyển sinh vào lớp 10, các bài tập đọc hiểu văn bản chiếm tỉ trọng 30%. Trong đó, văn bản đọc hiểu có thể là văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản nhật dụng. Đối với văn bản nhật dụng, các đề thi thường có các câu hỏi đáp ứng mức độ thông hiểu, vận dụng thấp. Trong đề thi *Khảo sát chất lượng khối 9 - quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội 2019* có dẫn một đoạn văn trong văn bản nhật dụng rồi đưa ra các câu hỏi như sau:

Câu 1. Từ in đậm trong đoạn văn trên là phương tiện của phép liên kết nào?

Câu 2. Hãy chỉ rõ phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 3. Trong đoạn văn, tác giả đã chỉ rõ những điểm mạnh và điểm yếu nào trong tính cách, phẩm chất, thói quen của người Việt Nam ta?

Câu 4. Từ đoạn văn trên và những hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về những phẩm chất tốt đẹp mà lớp trẻ Việt Nam cần có để bước vào tương lai một cách tự tin.

Các câu hỏi trên chỉ có *Câu 1, Câu 2, Câu 3* nhằm KT, ĐG năng lực đọc hiểu, *Câu 4* kiểm tra kĩ năng làm văn. Tuy nhiên, các câu hỏi đọc hiểu chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết, thông hiểu mà chưa có mức vận dụng. Đồng thời, văn bản được trích dẫn nằm trong sách giáo khoa, chưa có sự đổi mới về ngữ liệu.

2.1.6. Xu thế quốc tế trong kiểm tra, đánh giá văn bản nhật dụng

Xu thế quốc tế trong KT, ĐG văn bản nhật dụng được thể hiện trong việc tham gia Chương trình đánh giá HS quốc tế (PISA). Mục tiêu của PISA nhằm kiểm tra: khi đến độ tuổi kết thúc phần giáo dục bắt buộc, HS đã được chuẩn bị để đáp ứng các thách thức của cuộc sống sau này ở mức độ nào. Nội dung đánh giá của PISA hoàn

toàn được xác định dựa trên các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống tương lai, không dựa vào nội dung các chương trình giáo dục quốc gia. Đây chính là điều mà PISA gọi là “năng lực phổ thông”, các câu hỏi được đánh giá ở 3 nhóm/cấp độ: Cấp độ 1. Thu thập thông tin; Cấp độ 2. Phân tích, lí giải văn bản; Cấp độ 3. Phân hồi và đánh giá. Dựa vào cách thức tổ chức và kết quả của đánh giá năng lực đọc hiểu của PISA, đây được coi như một cách tham chiếu đối với chất lượng KT, ĐG giáo dục, thực hiện xây dựng đánh giá theo một phương pháp hiện đại, chất lượng, có hiệu quả. Trên khảo sát mẫu đề PISA đọc hiểu, tinh thần thiết kế câu hỏi PISA tập trung đánh giá năng lực đọc hiểu của HS, xem xét mức độ “hiểu, sử dụng, phản ánh và liên kết các văn bản nhằm đạt được các mục tiêu cá nhân, phát triển kiến thức và tiềm năng cá nhân, và tham gia vào xã hội” [4; tr 10].

2.2. Đề xuất bộ bài tập đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng cho học sinh lớp 9

2.2.1. Nguyên tắc xây dựng

Raiche (2006) đã xác định và nhóm các nguyên tắc về KT, ĐG năng lực thành bốn nguyên tắc lớn: - Đánh giá phải phục vụ học; - Đánh giá phải thực; - Đánh giá phải công bằng; - Đánh giá phải tích hợp với học.

2.2.2. Mô tả bộ bài tập

Mục tiêu: Bộ bài tập minh họa được thiết kế hỗ trợ GV bộ môn sử dụng nhằm nâng cao kỹ năng đọc hiểu văn bản nhật dụng đối với HS lớp 9. Bài tập được thiết kế phù hợp với từng đối tượng, với mục đích chính như sau:

Đối với GV bộ môn, bộ bài tập nhằm: - Hỗ trợ GV bộ môn có một định hướng thiết kế mới, đa dạng về hình thức KT, ĐG và ngữ liệu phù hợp với HS lớp 9; - Trở thành một tài liệu tham khảo về cách thức tổ chức, triển khai KT, ĐG đối với phần Đọc hiểu văn bản nhật dụng; - Giúp GV đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng của HS sau khi được tiếp cận phương pháp, hình thức KT, ĐG mới, có tính cập nhật.

Đối với HS, bộ bài tập nhằm: - Giúp HS rèn luyện khả năng đọc hiểu văn bản nhật dụng theo nhiều mức độ khác nhau; - Vận dụng hiểu biết, khả năng đọc hiểu văn bản của mình để tự KT, ĐG.

Hình thức câu hỏi, bài tập:

- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời ngắn; liên hệ văn bản đã học.
- Câu hỏi mở đòi hỏi trả lời dài (khi chấm sẽ phải tách ra từng phần để cho điểm): + Trình bày ý tưởng của mình; + Đưa ra quan điểm cá nhân.
- Câu hỏi đóng đòi hỏi trả lời (dựa trên những trả lời có sẵn).
- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, yêu cầu HS chọn phương án trả lời đúng; + Xác định thao tác lập luận trong đoạn văn; + Xác định nghĩa của từ;
- Câu hỏi Đúng - Sai phức hợp.

- Câu hỏi ghép, nối.

2.2.3. Bài tập minh họa

Bài tập 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nước ta là quốc gia có nhiều làng nghề truyền thống hoạt động, có nhiều làng nghề đã tồn tại qua nhiều thế kỉ. Theo báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2008, cả nước có trên 1450 làng nghề sử dụng tới 30% lao động nông thôn. Các làng nghề tập trung chủ yếu ở các vùng đông dân cư, vùng đồng bằng rất gần các đô thị và dọc theo các sông. Ngành nghề của các làng nghề phát triển rất đa dạng, biến động, tập trung vào chế biến nông sản, giết mổ, dệt nhuộm, thủ công mỹ nghệ, tái chế chất thải, vật liệu xây dựng.

Hoạt động của các làng nghề này đã góp phần quan trọng vào việc tạo ra các sản phẩm xã hội, phục vụ cuộc sống của người dân và xuất khẩu ra nước ngoài, tận dụng được các lao động dư thừa vào lúc nông dân để tạo ra sản phẩm phi nông nghiệp phong phú và đa dạng. Mặt khác, hoạt động của các làng nghề cũng góp phần vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa của các dân tộc. Nhiều sản phẩm công nghiệp hay những vật liệu dùng cho công nghiệp được sản xuất tại các làng nghề. Nhà nước đã coi việc phát triển các làng nghề là một phần quan trọng của việc phát triển kinh tế. Sự tăng lên cả về số lượng, quy mô các làng nghề đã tạo việc làm, cải thiện thu nhập và nâng cao mức sống cho một bộ phận đáng kể dân cư, nhưng đồng thời cũng gây ra nhiều vấn đề về môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển bền vững của chính các làng nghề và đời sống của người dân.

(Trích “Đạo đức môi trường ở nước ta - Lí luận và thực tiễn”. GS. TS Vũ Dũng. NXB Từ điển Bách khoa, 2015, tr 121)

Yêu cầu:

Câu 1: Nêu ít nhất 03 làng nghề nổi tiếng mà em biết.

Câu 2: Nói cột A và cột B sao cho phù hợp nhất:

A	B
1. Các làng nghề chủ yếu tập trung	a) là yếu tố giúp kinh tế chuyển đổi, hội nhập
2. Ảnh hưởng của các làng nghề đến	b) đa dạng, phong phú.
3. Sự phát triển các làng nghề	c) các vùng đông dân cư, vùng đồng bằng
4. Quá trình hoạt động của các làng nghề	d) đặc trưng, số lượng và mẫu mã còn hạn chế
5. Sản phẩm của các làng nghề	e) thể hiện những nét văn hóa đặc sắc
	f) thân thiện với môi trường
	g) môi trường, người dân

Câu 3: Có ý kiến cho rằng: “*Phát triển các làng nghề sẽ kìm hãm quá trình hội nhập, gây ra nhiều ảnh hưởng đến môi trường*”. Hãy đưa ra quan điểm của mình về ý kiến trên.

Bài tập 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là vị tướng tài của nhân loại thế kỉ XX. Cuộc đời ông gắn liền với cuộc trường chinh giải phóng dân tộc. Trí tuệ, bản lĩnh, tài năng, công lao to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập đã khiến tên tuổi của ông mãi in đậm trong lịch sử của dân tộc Việt Nam và ghi dấu ấn trong lịch sử nhân loại. Trong đời cầm quân, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã dẫn dắt đội quân cách mạng, khởi đầu là 34 chiến sĩ trong đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với súng kíp, chân đất lớn lên thành đội quân thiện chiến, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu năm 1954 và đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước là những ví dụ điển hình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có công rất lớn, góp phần xứng đáng vào việc hình thành một học thuyết quân sự độc đáo Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh để chiến thắng những đội quân hiện đại, đó là đường lối chiến tranh nhân dân. Ngoài tài thao lược quân sự, thì tính nhân văn trong phong cách cầm quân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khiến ông trở thành huyền thoại. Trước Tổ quốc, trước nhân dân, ông luôn tự hứa phải giành bằng được thắng lợi nhưng ông tâm niệm phải hạn chế thấp nhất sự hi sinh của chiến sĩ. Ông cũng thường đến tận các chiến trường để động viên cấp dưới. Đại tá, Tiến sĩ Vũ Tang Bông, nguyên chủ nhiệm bộ môn Lịch sử kháng chiến chống Pháp, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, cho biết: “Sự có mặt của người chỉ huy, đặc biệt là người chỉ huy cao nhất và đặc biệt nhất là sự xuất hiện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp tác động rất lớn đến tư tưởng, tình cảm, ý chí của cán bộ chiến sĩ. Riêng sự có mặt của ông ở một trận địa tên lửa đã góp phần nâng cao tinh thần, động viên cổ vũ kịp thời. Không phải chỉ có mặt bắt tay hờ hững rồi về mà ông đến chỉ đạo rất cụ thể”.

(Trích “*Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong dòng chảy lịch sử dân tộc*”. VOV5.VN - Đài Tiếng nói Việt Nam, 13/10/2013).

Yêu cầu:

Câu 1: Tóm tắt nội dung của đoạn văn trên (không quá 25 chữ).

Câu 2: Cụm từ được in đậm thể hiện quan hệ ý nghĩa gì đối với câu trước đó.

Câu 3: “*Tính nhân văn trong phong cách*” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là gì? Trình bày suy nghĩ của em về nét đẹp truyền thống văn hóa dân tộc từ tâm gương Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Bài tập 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập tự do mà Bác Hồ đúc kết đã trở thành một danh ngôn của thời đại. Nhân quyền và nhân ái trong tư duy nhà nước ta với khẩu hiệu “Tất cả do con người, tất cả vì con người” đã bao trùm lên mọi hoạt động đối ngoại và đối nội. Năm 1967, khi đoàn dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc, đến thăm Bác Hồ, lúc ra về Bác tiễn tới cổng còn nhắn nhủ: “Các cô, các chú, lúc chiến đấu gian khổ có nhau thì khi thành công, có cuộc sống hạnh phúc đừng có quên nhau”. Ngày nay, nhân quyền, nhân ái ở Việt Nam được bảo đảm cả trong pháp luật lẫn cuộc sống đời thường và vẫn với tinh thần “thương người, trừ bạo”. Có trừ bạo nghịch như bọn phá hoại quốc tế, bọn phản động dưới chiêu dân tộc, tôn giáo mới đảm bảo được nhân quyền. Đại đoàn kết nhân dân và phát huy truyền thống nhân quyền, nhân ái Việt Nam là một nét thuộc về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Nét đặc sắc đó được coi là một đóng góp vào “Đa dạng văn hóa - Phát triển và toàn cầu hóa” do UNESCO đề xướng.

(Trích “*Nhân quyền và nhân ái trong truyền thống*”. Văn Tạo. <http://www.tuyengiao.vn/>, Tạp chí Ban Tuyên giáo Trung ương, 2/7/2009)

Câu 1: Điền vào chỗ trống:

Truyền thống (1)..... quý báu của nhân dân ta thể hiện những nét riêng, đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Nhiều câu thành ngữ, tục ngữ viết về truyền thống đó như: (2).....

Câu 2: Hãy thêm thành phần tình thái vào một câu từ đoạn văn trên.

Câu 3: Theo em, từ “Nhân” trong “*nhân quyền*” và “*nhân ái*” có nghĩa giống hay khác nhau. Trình bày từng cách hiểu của mình.

Câu 4: Trình bày ý tưởng của em nhằm phát huy truyền thống quý báu được tác giả đề cập đến.

Bài tập 4

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Thưa ngài,

Những bản thảo từ các nghiên cứu gần đây của E.Fermi và L.Szilard khiến tôi dự đoán rằng, uranium có thể biến thành một nguồn năng lượng mới và quan trọng trong tương lai gần. Các vấn đề nảy sinh từ tình hình

hiện nay cần phải được theo dõi, và nếu cần, chính phủ phải hành động kịp thời. Do đó, trách nhiệm của tôi là báo cáo với ngài những thông tin và khuyến cáo sau:

Trong 4 tháng gần đây, qua các công trình của Joliot ở Pháp cũng như Fermi và Szilard ở Mỹ, có vẻ phản ứng dây chuyền đã hình thành liên quan tới lượng lớn uranium. Từ đó, nguồn năng lượng khổng lồ và một lượng vô cùng lớn những nguyên tố mới giống radium cũng sẽ được tạo ra. **Hiện nay, quá trình này gần như chắc chắn thành công.** Hiện tượng mới này cũng dẫn đến việc bom ra đời. Dù không dám khẳng định, chúng ta có thể tin, những quả bom cực mạnh sẽ được tạo ra. Chỉ cần một quả bom loại này được chờ đến cảng và khi nổ tung, nó sẽ phá hủy toàn bộ cảng cùng một số khu vực xung quanh. Trước tình hình này, ngài có thể thấy, mối quan hệ chặt chẽ giữa chính phủ và nhóm các nhà vật lý đang nghiên cứu phản ứng dây chuyền ở Mỹ rất quan trọng. Để đạt điều này, ngài có thể ủy quyền cho một người đủ tin tưởng với một chức danh không chính thức. Anh ta có nhiệm vụ sau:

a) Tiếp cận các cơ quan chính phủ để cung cấp thông tin và đưa ra lời khuyến cáo những hành động cần thiết, đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo nguồn cung cấp quặng uranium cho Mỹ.

b) Đẩy nhanh các nghiên cứu thực nghiệm, vốn chỉ được thực hiện với ngân sách hạn hẹp tại các trường đại học, bằng cách cung cấp kinh phí từ các cá nhân có mong muốn đóng góp vào mục đích này. Ngoài ra, chính phủ Mỹ cũng có thể hợp tác với các phòng thí nghiệm ở nhà máy có trang thiết bị cần thiết”.

(Theo Business Insider, *Bức thư của nhà vật lý Einstein gửi Tổng thống Roosevelt* ngày 2/8/1939).

Yêu cầu:

Câu 1. Kể tên một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn lớp 9 có cùng nội dung, chủ đề với văn bản trên.

Câu 2.

a) Xác định thành phần biệt lập trong câu được in đậm.

b) Theo tác giả, những quả bom cực mạnh sẽ được tạo ra có sức công phá như thế nào?

Câu 3. Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt của vấn đề được đặt ra trong văn bản trên và tác phẩm đã trả lời trong Câu 1.

Câu 4. Có ý kiến cho rằng: *Bức thư* là “chất xúc tác” cho việc Mỹ tham gia cuộc đua hạt nhân. Ý kiến khác cho rằng: “Đây là một bước phát triển vượt bậc của vũ khí hạt nhân và khoa học”. Trình bày quan điểm của em về các ý kiến trên.

3. Kết luận

Các bài tập trên sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, đó là những văn bản tương đương với các văn bản trong sách giáo khoa. Các câu hỏi được xây dựng với mức độ từ thấp đến cao, giúp HS đọc hiểu nội dung và hình thức của văn bản, vận dụng những hiểu biết về văn bản để giải quyết các tình huống trong đời sống.

Dựa vào những khảo sát về thực trạng KT, ĐG hiện nay, chúng tôi đưa ra những nội dung lựa chọn cải tiến phù hợp với yêu cầu KT, ĐG năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng đối với HS lớp 9. Với mỗi chủ đề bài học đã xây dựng, xác định và mô tả 4 mức độ yêu cầu (*nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao*) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để KT, ĐG năng lực và phẩm chất của HS trong DH. Trên cơ sở đó, biên soạn các câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động DH và KT, ĐG, luyện tập theo chuyên đề đã xây dựng.

Đây là các bài tập được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực. GV có thể tham khảo cách xây dựng các bài tập này để biên soạn thêm các bài tập khác nhằm KT, ĐG HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Khắc Phi - Nguyễn Văn Long - Trần Đình Sử (đồng chủ biên, 2009). *Ngữ văn 9*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Sái Công Hồng (2017). *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong dạy học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Lê Thị Mỹ Hà (chủ biên, 2014). *Tài liệu tập huấn PISA 2015 và các dạng câu hỏi do OECD phát hành lĩnh vực Đọc hiểu* (tại Hà Nội). Bộ GD-ĐT.
- [5] Nguyễn Thị Hạnh (2014). *Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn Ngữ văn của Chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 56, tr 88-97.
- [6] Nguyễn Thái Hòa (2008). *Vấn đề đọc hiểu và dạy đọc hiểu*. Tạp chí Thông tin Khoa học Sư phạm, số 8, tr 45 -.
- [7] Phạm Thị Thu Hiền (Chủ biên, 2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Trần Đình Sử (2013). *Đọc hiểu văn bản - một khâu đột phá trong nội dung và phương pháp giảng dạy Ngữ văn*. Báo Văn nghệ số 321, ngày 30/8/2013.
- [9] Phạm Thị Thu Hiền (2014). *So sánh vấn đề đọc hiểu văn bản trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn của Việt Nam và một số nước trên thế giới*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.